

CÔNG TY CỔ PHẦN TK - XD - TM PHÚC THỊNH

-----o0o-----

Số: 03/PT-2017

V/v: Giải trình chênh lệch lợi nhuận Quý IV/2016
so với Quý IV/2015

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

TP. HCM, ngày 19 tháng 01 năm 2017

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tên Cổ phiếu:

Mã cổ phiếu:

Địa chỉ:

Mã số thuế:

Người đại diện:

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH

PTD

2 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, TP.HCM

0302365984

Ông TÔ KHẢI ĐẠT

Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Căn cứ thông tư số 155/2015/TT-BTC có hiệu lực ngày 01/01/2016 của Bộ tài chính về việc công bố thông tin định kỳ của tổ chức niêm yết quy định giải trình cụ thể khi lợi nhuận sau thuế chênh lệch 10% so với cùng kỳ năm trước

Công ty Cổ phần Thiết kế Xây dựng Thương mại Phúc Thịnh giải trình lợi nhuận Quý IV/2016 so với Quý IV/2015 trên BCTC cụ thể như sau:

DVT: Đồng

CHỈ TIÊU		Mã số	CÔNG TY MẸ				HỢP NHẤT			
			Quý IV				Quý IV			
			Năm nay	Năm trước	Tăng/Giảm	Tỷ lệ (%)	Năm nay	Năm trước	Tăng/Giảm	Tỷ lệ (%)
1		2	3	4	5=3-4	6=5/4	7	8	9=7-8	10=9/8
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	168.750.787.354	183.686.328.276	(14.935.540.922)		171.462.282.493	190.314.757.967	(18.852.475.474)	
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02								
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	168.750.787.354	183.686.328.276	(14.935.540.922)	-8%	171.462.282.493	190.314.757.967	(18.852.475.474)	-10%
	(10 = 01 - 02)									
4.	Giá vốn hàng bán	11	153.024.289.411	167.162.671.048	(14.138.381.637)		154.837.940.311	172.569.265.211	(17.731.324.900)	
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	15.726.497.943	16.523.657.228	(797.159.285)	-5%	16.624.342.182	17.745.492.756	(1.121.150.574)	-6%
	(20 = 10 - 11)									
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	116.363.146	273.366.263	(157.003.117)		116.372.024	273.366.263	(156.994.239)	
7.	Chi phí tài chính	22	162.466.403	466.232.291	(303.765.888)	-65%	162.466.403	488.698.293	(326.231.890)	-67%
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	162.466.403	466.232.291	(303.765.888)		162.466.403	466.232.291	(303.765.888)	
8.	Chi phí bán hàng	25		333.251.000	(333.251.000)		0	333.251.000	(333.251.000)	
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	11.972.856.192	11.004.774.058	968.082.134	9%	12.761.646.296	12.130.805.538	630.840.758	5%
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	3.707.538.494	4.992.766.142	(1.285.227.648)	-26%	3.816.601.507	5.066.104.188	(1.249.502.681)	-25%
	(30 = 20 + (21-22) - (25+26))									
11.	Thu nhập khác	31	180.448.370	232.713.364	(52.264.994)		180.448.370	260.977.393	(80.529.023)	

CHỈ TIÊU		Mã số	CÔNG TY MẸ				HỢP NHẤT			
			Quý IV				Quý IV			
			Năm nay	Năm trước	Tăng/Giảm	Tỷ lệ (%)	Năm nay	Năm trước	Tăng/Giảm	Tỷ lệ (%)
1		2	3	4	5=3-4	6=5/4	7	8	9=7-8	10=9/8
12.	Chi phí khác	32	19.784.583	176.884.019	(157.099.436)		19.784.583	176.884.019	(157.099.436)	
13.	Lợi nhuận khác (40 = 31 -32)	40	160.663.787	55.829.345	104.834.442	188%	160.663.787	84.093.374	76.570.413	91%
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	3.868.202.281	5.048.595.487	(1.180.393.206)	-23%	3.977.265.294	5.150.197.562	(1.172.932.268)	-23%
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	791.818.208	1.109.245.614	(317.427.406)		818.933.156	1.175.529.909	(356.596.753)	
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	14.890.464	40.298.074	(25.407.610)		14.890.464	40.298.074	(25.407.610)	
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	3.061.493.609	3.899.051.799	(837.558.190)	-21%	3.143.441.674	3.934.369.579	(790.927.905)	-20%
	(60 = 50 - 51 -52)									

BCTC CÔNG TY MẸ

- Doanh thu giảm dẫn đến lợi nhuận giảm

BCTC HỢP NHẤT

- Doanh thu giảm dẫn đến lợi nhuận giảm

Trân Trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu P. Kế toán

TM. CTCP TK - XD - TM PHÚC THỊNH
TỔNG GIÁM ĐỐC



TÔ KHẢI ĐẠT